TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 6 năm 2019

Số: 04/2019/QĐST-KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2019/TLST-KDTM ngày 22/4/2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N;** Địa chỉ: đường L, phường A, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn Bảo T** – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S; Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố S, tỉnh sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Trần Thị Tuyết M**;

2. Ông **Trịnh Hửu Q**;

Cùng địa chỉ: đường L, khóm E, phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M đồng ý trả cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 18/6/2019 là 1.957.014.389 đồng (trong đó, tiền vốn vay là 1.450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 459.226.056 đồng, tiền lãi quá hạn là 47.788.333 đồng).

2.2. Thời gian giao trả số tiền trên: Vào ngày 18/7/2019 (trả một lần).

2.3. Kể từ ngày 19/6/2019, ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán cho đến khi

thanh toán xong số tiền vốn vay cho Ngân hàng N.

2.4. Đến hết ngày 18/7/2019, nếu ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trên thì ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M đồng ý để Ngân hàng N yêu cầu cơ Q có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp sau để Ngân hàng thu hồi nợ:

- Một (01) Xe ô tô khách; nhãn hiệu: FORD; Màu sơn: BẠC; Số máy: RATORQ4D243H; Số khung: TGMCEUR32545; Số chỗ ngồi: 16 chỗ; Biển số: 83B-004.62 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000183 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/7/2014; (đăng ký lần đầu ngày 07/7/2014) tên chủ xe: Trần Thị Tuyết M.

- Một (01) Xe ô tô khách; nhãn hiệu: MERCEDES-BENZ; Màu sơn: ĐỎ; Số máy: 198170069683; Số khung: 36727V004311; Số chỗ ngồi: 16 chỗ; Biển số: 83B-007.31 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001879 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/5/2015; tên chủ xe: Trần Thị Tuyết M.

- Một (01) Xe ô tô con; nhãn hiệu: ISUZU; Màu sơn: BẠC XÁM; Số máy: M11290; Số khung: R54F8VD96667; Số chỗ ngồi: 8 chỗ; Biển số: 83A-044.94 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001737 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/4/2015; (đăng ký lần đầu ngày 25/02/2008) tên chủ xe: Trần Thị Tuyết M.

- Một (01) xe ô tô con; nhãn hiệu: KIA; Màu: BẠC; Số máy: G4FC9H351879; Số khung: 4115A5187489; Số chỗ ngồi: 5 chỗ; Biển số: 83A-047.41 theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002507 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 10/8/2015; (đăng ký lần đầu ngày 15/4/2010) tên chủ xe: Trần Thị Tuyết M.

Tất cả 04 (bốn) chiếc xe nói trên hiện ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M đang trực tiếp quản lý.

2.5. Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M đồng ý chịu số tiền là 35.355.215 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.873.900 đồng theo biên lai thu số 0007442 ngày 17/4/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 550.000 đồng, ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M đồng ý chịu toàn bộ. Sau khi ông Trịnh Hửu Q và bà Trần Thị Tuyết M nộp thì giao trả lại cho Ngân hàng N vì Ngân hàng N đã nộp tạm ứng xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TPST;*
- *Chi cục THADS TPST;*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Thị Thúy Uyên